

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường
năm học 2024 – 2025**

(Kết quả đánh giá xếp loại Theo thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 của Bộ GD&ĐT về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.)

STT	Nội dung	ĐV tính	Tổng số	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số HS theo Hạnh kiểm	Số lượng	2011	512	604	496	399
1	Tốt	Số lượng	1964	501	589	486	388
		Tỷ lệ %	97.66	97.85	97.52	97.98	97.24
2	Khá	Số lượng	47	11	15	10	11
		Tỷ lệ %	2.34	2.15	2.48	2.02	2.76
3	Đạt	Số lượng	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ %	0.00	0	0	0	0
4	Chưa đạt	Số lượng	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ %	0.00	0	0	0	0
5	Học sinh hòa nhập không tham gia ĐGXL	Số lượng	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ %	0.00	0.00	0	0.00	0.00
II	Số HS theo Học lực	Số lượng	2011	512	604	496	399
1	Tốt	Số lượng	777	225	227	188	137
		Tỷ lệ %	38.64	43.95	37.58278	37.90	34.34
2	Khá	Số lượng	770	209	237	179	145
		Tỷ lệ %	38.29	40.82	39.23841	36.09	36.34
3	Đạt	Số lượng	434	76	132	118	108
		Tỷ lệ %	21.58	14.84	21.8543	23.79	27.07
4	Chưa đạt	Số lượng	30	2	8	11	9
		Tỷ lệ %	1.49	0.39	1.324503	2.22	2.26
6	Học sinh hòa nhập không tham gia ĐGXL	Số lượng	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ %	0.00	0.00	0	0.00	0.00
III	Tổng hợp kết quả cả năm	Số lượng	2011	512	604	496	399
1	Lên lớp	Số lượng	2000	510	602	489	399
		Tỷ lệ %	99.45	99.61	99.66887	98.59	100.00
a	Học sinh xuất sắc	Số lượng	163	47	49	37	30
		Tỷ lệ %	8.11	9.18	8.112583	7.46	7.52
b	Học sinh giỏi	Số lượng	614	178	178	151	107
		Tỷ lệ %	30.53	34.77	29.4702	30.44	26.82
2	Thi lại	Số lượng	30	2	8	11	9
		Tỷ lệ %	1.49	0.39	1.324503	2.22	2.26



STT	Nội dung	ĐV tính	Tổng số	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
3	Lưu ban	Số lượng	11	2	2	7	0
		Tỷ lệ %	0.55	0.39	0.331126	1.41	0.00
4	Chuyển trường đến	Số lượng	10	4	3	3	0
	Chuyển trường đi	Số lượng	34	8	15	9	2
5	Bị đuổi học	Số lượng	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	Số lượng	0	0	0	0	0
IV	Số HS đạt giải các kỳ thi HSG	Số lượng	441	98	116	109	118
1	Cấp huyện	Số lượng	412	95	116	103	98
2	Cấp thành phố	Số lượng	28	3	0	6	19
3	Quốc gia, quốc tế	Số lượng	1	0	0	0	1
V	Số HS dự xét tốt nghiệp THCS	Số lượng	399	0	0	0	399
VI	Số HS được công nhận tốt nghiệp	Số lượng	399	0	0	0	399
		Tỷ lệ %	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
VII	Số HS thi đỗ vào THPT CL	Số lượng	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ %	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
VIII	Số HS thi đỗ vào THPT NCL	Số lượng	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ %	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
IX	Số học sinh nam	Số lượng	1010	266	305	247	192
	Số học sinh nữ	Số lượng	1001	246	299	249	207
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	Số lượng	18	2	6	5	5

Thanh Liệt, ngày 05 tháng 09 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
CHU VĂN AN
TRẦN MAI HƯƠNG